

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ CỦA VIỆT NAM

1. Thực trạng pháp luật về chống bán phá giá của Việt Nam

Pháp luật về chống bán phá giá đối với hàng hóa nước ngoài nhập khẩu qua biên giới của Việt Nam là một ngành luật còn rất non trẻ. Thuật ngữ bán phá giá khi xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa qua biên giới lần đầu tiên được ghi nhận trong pháp luật Việt Nam ở Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 04/1998/QH10 được Quốc hội Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 20-5-1998. Điều này cho phép cơ quan nhà nước áp dụng thuế bổ sung đối với hàng nhập khẩu được trợ cấp và bán phá giá vào Việt Nam. Tuy nhiên, Luật này chưa quy định hình thức thuế cụ thể áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu bán phá giá.

Ba năm sau đó, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg ngày 04/4/2001 về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2001 - 2005, trong đó quy định việc xây dựng nguyên tắc áp dụng thuế chống trợ cấp và thuế chống bán phá giá trong năm 2001. Tuy nhiên, cho đến thời điểm đó, pháp luật Việt Nam chưa hình thành được một cơ chế pháp lý cụ thể và ổn định để phát hiện và xử lý các hành vi bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam. Với lý do đó, theo đề nghị của Bộ Tư pháp, ngày 27-9-2001, Bộ Thương mại Việt Nam (nay là Bộ Công Thương) đã có tờ trình lên Chính phủ đề nghị đưa vào kế hoạch xây dựng pháp lệnh về chống bán phá giá. Trong Tờ trình, Bộ Thương mại nêu rõ: “Việt Nam đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt là đang tích cực đàm phán gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), nên sẽ phải loại bỏ dần các hàng rào thuế quan trong những năm tới, chẳng hạn như hạn chế định lượng, giá tính thuế tối thiểu. Đồng thời, thuế quan sẽ là công cụ bảo hộ chủ yếu cho sản xuất trong nước. Vì vậy, việc áp dụng thuế chống trợ cấp và thuế chống bán phá giá là một nhu cầu cấp thiết để tăng cường bảo hộ sản xuất trong nước.

Sau ba năm soạn thảo, ngày 29/4/2004, Pháp lệnh chống bán phá giá được ban hành, đánh dấu sự ra đời của một lĩnh vực pháp luật mới - pháp luật về chống bán phá giá của Việt Nam.

Thực ra trước đó, khái niệm “bán phá giá” và “chống bán phá giá” đã được quy định một cách khá cụ thể tại Pháp lệnh giá năm 2002 (Pháp lệnh số

40/2002/PL-UBTVQH10). Tuy nhiên, khái niệm bán phá giá được quy định trong Pháp lệnh giá năm 2002 khác với khái niệm bán phá giá được quy định trong Pháp lệnh chống bán phá giá năm 2004 đồng thời, được đề cập ở đây. Khoản 3, Điều 4, Pháp lệnh giá năm 2002 quy định: “Bán phá giá là hành vi bán hàng hóa, dịch vụ với giá quá thấp so với giá thông thường trên thị trường Việt Nam để chiếm lĩnh thị trường, hạn chế cạnh tranh đúng pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh khác và lợi ích của Nhà nước”. Như vậy, khái niệm bán phá giá trong Pháp lệnh giá năm 2002 bao gồm cả hành vi kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước có bán hàng hóa hoặc dịch vụ tại thị trường Việt Nam với mức giá quá thấp so với mức giá thông thường. Trong khi đó, khái niệm bán phá giá được quy định trong Pháp lệnh bán phá giá năm 2004 và được đề cập ở đây chỉ bao gồm hoạt động bán hàng hóa qua biên giới với mức giá thấp hơn giá trị thông thường của sản phẩm tương tự tại thị trường xuất khẩu.

Hơn một năm sau khi Pháp lệnh chống bán phá giá được ban hành, ngày 11-7-2005, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 90/2005/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam. Cũng trong năm đó, Quốc hội Việt Nam khóa XI cũng ban hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2005, trong đó quy định hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam ngoài thuế nhập khẩu và các loại thuế khác có thể bị đánh thuế chống bán phá giá theo quy định của pháp luật Việt Nam (Điều 1). Cho đến nay, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh trực tiếp các hoạt động chống bán phá giá tại Việt Nam bao gồm:

- Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2005 (Luật số 45/2005/QH11);
- Pháp lệnh chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam (Pháp lệnh số 20/2004/PL-UBTVQH11);
- Nghị định số 90/2005/NĐ-CP ngày 11-7-2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam;
- Nghị định số 04/2006/NĐ-CP ngày 09-01-2006 của Chính phủ về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức Hội đồng xử lý việc chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ;

- Nghị định số 06/2006/NĐ-CP ngày 09-01-2006 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý cạnh tranh;

- Thông tư số 106/2005/TT-BTC ngày 05-12-2005 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thu, nộp, hoàn trả thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp và các khoản đảm bảo thanh toán thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp;

- Quyết định số 32/QĐ-QLCT ngày 15-5-2008 của Cục trưởng Cục Quản lý cạnh tranh Bộ Công Thương về việc ban hành Mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá.

Như tiêu đề của các văn bản quy phạm pháp luật trên đây cho thấy, pháp luật nội dung về chống bán phá giá của Việt Nam chủ yếu tập trung trong hai văn bản là Pháp lệnh chống bán phá giá và Nghị định số 90/2005/NĐ-CP ngày 11-7-2005 của Chính phủ. Các văn bản quy phạm pháp luật khác đều hoặc chỉ quy định mang tính ghi nhận về thuế chống bán phá giá (Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2005) hoặc quy định về các cơ quan có thẩm quyền trong lĩnh vực chống bán phá giá (Nghị định số 04/2006/NĐ-Cp và Nghị định số 06/2006/NĐ-CP) hay các vấn đề liên quan tới thủ tục kiện và áp thuế chống bán phá giá (Thông tư số 106/2005/TT-BTC, Quyết định số 32/QĐ-QLCT).

Như được chỉ rõ trong Tờ trình ngày 27-9-2001 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) đề xuất Pháp lệnh chống bán phá giá, nhu cầu chính và trực tiếp của việc ban hành Pháp lệnh này khi đó là phục vụ quá trình Việt Nam đang thực hiện những nỗ lực gia nhập WTO. Theo đó, hệ thống pháp luật của Việt Nam nói chung và pháp luật về chống bán phá giá nói riêng cần phải phù hợp với luật lệ tương ứng của WTO. Trên tinh thần đó, các chế định đã được xây dựng với nội dung khá bám sát các quy định của ADA năm 1994 và “Luật Mẫu” về chống bán phá giá của WTO. Pháp lệnh chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam năm 2004 bao gồm 29 điều được chia thành 6 chương, điều chỉnh những vấn đề lớn của chống bán phá giá ở Việt Nam như nguyên tắc xác định bán phá giá, các biện pháp chống bán phá giá, điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá, áp dụng biện pháp chống bán phá giá, rà soát việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá, khiếu nại và xử lý vi phạm. Nghị định số 90/2005/NĐ-CP gồm 5 chương, 44 điều quy định cụ thể hóa Pháp lệnh chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam năm 2004 về các vấn đề như cơ quan chống bán phá giá, người tham gia quá trình giải quyết vụ việc

chống bán phá giá, điều tra áp dụng thuế chống bán phá giá, thủ tục chi tiết áp dụng các biện pháp chống bán phá giá.

Nội dung của một số chế định cơ bản trong pháp luật về chống bán phá giá của Việt Nam được quy định như sau:

- Về điều kiện áp dụng các biện pháp chống bán phá giá: hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam có thể áp dụng các biện pháp chống bán phá giá nếu như cơ quan chống bán phá giá của Việt Nam chứng minh được rằng: (1) Hàng hóa đó có bán phá giá khi nhập khẩu Việt Nam; (2) Có thiệt hại vật chất dưới hình thức thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước của Việt Nam; và (3) Có mối quan hệ nhân quả giữa việc bán giá hàng hóa nhập khẩu và thiệt hại gây ra cho ngành sản xuất trong nước. Ngoài ra, pháp luật Việt Nam còn xác định một nguyên tắc chung là việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá không gây được thiệt hại đến lợi ích kinh tế- xã hội trong nước.

- Về điều kiện xác định có bán phá giá hàng hóa khi nhập khẩu vào Việt Nam: Hàng hóa bị coi là bán phá giá khi nhập khẩu vào Việt Nam nếu hàng hóa đó được bán với giá thấp hơn giá thông thường. Giá thông thường của hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam là giá có thể so sánh được của hàng hóa tương tự đang được bán trên thị trường nội địa của nước hoặc vùng lãnh thổ xuất khẩu trong điều kiện thương mại thông thường. Nếu không có hàng hóa tương tự được bán trên thị trường của nội địa của nước hoặc vùng lãnh thổ xuất khẩu hoặc có hàng hóa tương tự được bán nhưng với khối lượng, số lượng hoặc giá trị hàng hóa không đáng kể thì giá thông thường của hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam được xác định bằng cách lấy giá tương ứng của hàng hóa đó đang được bán ở nước thứ ba trong điều kiện thương mại thông thường hoặc mức giá do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam tự xây dựng theo quy định của pháp luật.

- Về việc xác định thiệt hại vật chất: pháp luật Việt Nam quy định thiệt hại vật chất gây ra cho ngành sản xuất trong nước của Việt Nam có thể được xác định dưới hai hình thức: Hình thức thứ nhất là, thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước. Đây là tình trạng suy giảm đáng kể hoặc kìm hãm tăng trưởng về sản lượng, mức giá, mức tiêu thụ hàng hóa, lợi nhuận, tốc độ phát triển sản xuất, việc làm của người lao động, đầu tư và các chỉ tiêu khác của ngành sản xuất trong nước hoặc là tình trạng khó khăn cho việc hình thành một ngành sản xuất trong nước. Hình thức thứ hai là, đe dọa gây thiệt hại đáng kể cho ngành

sản xuất trong nước hoặc là tình trạng khó khăn cho việc hình thành một ngành sản xuất trong nước, tức là khả năng trước mắt, rõ ràng và chứng minh được sẽ gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước.

-Về cơ quan chôn bán phá giá và cơ quan ra quyết định chống bán phá giá: cơ quan chống bán phá giá của Việt Nam được đặt trong Bộ Thương mại và bao gồm hai cơ quan: Cơ quan điều tra chống phá giá và Hội đồng xử lý vụ việc chống bán phá giá. Cơ quan điều tra chống bán phá giá là Cục Quản lý cạnh tranh trực thuộc Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương). Cơ quan điều tra chống bán phá giá là cơ quan trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ điều tra để áp dụng biện pháp chống bán phá giá theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, tiến hành yêu cầu các bên liên quan cung cấp thông tin và tài liệu liên quan tới vụ việc chống bán phá giá, tổ chức tham vấn với các bên liên quan, đưa ra kết luận sơ bộ về các nội dung liên quan tới quá trình điều tra, kiến nghị biện pháp chống bán phá giá và nội dung cam kết giá, tiến hành rà soát việc áp dụng các biện pháp chống phá giá theo quy định của cơ quan có thẩm quyền. Hội đồng xử lý là một tập thể bao gồm các thành viên do Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) bổ nhiệm, hoạt động theo nguyên tắc tập thể và có nhiệm kỳ 5. Hội đồng xử lý xem xét kết luận của Cơ quan điều tra chống bán phá giá, thảo luận và quyết định về việc có hay không có hành vi bán phá giá vào Việt Nam gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất. Nói cách khác, Hội đồng xử lý là cơ quan dựa trên hồ sơ điều tra của Cơ quan điều tra chống bán phá giá hay chưa. Trên cơ sở đó, Hội đồng xử lý kiến nghị lên cơ quan có thẩm quyền để ra quyết định chống bán phá giá. Người có thẩm quyền ra quyết định chống bán phá giá cũng như quyết định tiến hành rà soát việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá là Bộ trưởng Bộ Thương mại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (nay là Bộ Công Thương).

- Về các biện pháp chống bán phá giá: pháp luật Việt Nam cho phép cơ quan có thẩm quyền áp dụng ba biện pháp chống bán phá giá:

- + Thuế chống bán phá giá tạm thời;
- + Thuế chống bán phá giá và cam kết giá, theo đó doanh nghiệp xuất nhập khẩu hàng hóa bán phá giá cam kết thực hiện các biện pháp nhằm loại trừ thiệt hại mà việc bán phá giá gây ra đối với ngành sản xuất trong nước của Việt Nam.

- Về vấn đề rà soát việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá: pháp luật Việt Nam quy định có thể tiến hành hai hình thức rà soát việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá, đó là:

+ Rà soát giữa kỳ: hình thức rà soát này được tiến hành sau một năm, kể từ ngày có quy định áp dụng biện pháp chống bán phá giá. Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ trưởng Bộ Công Thương) có quyền quyết định rà soát việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá khi có đề nghị của một hoặc nhiều bên liên quan và trên cơ sở xem xét các bằng chứng do bên đề nghị cung cấp.

+ Rà soát trước khi hết hạn áp dụng biện pháp chống bán phá giá: hình thức rà soát này được thực hiện trong vòng một năm trước ngày thời hạn áp dụng biện pháp chống bán phá giá hết hiệu lực. Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ trưởng Bộ Công Thương) là người quyết định tiến hành hình thức rà soát này.

Nhìn chung, có thể thấy pháp luật về chống bán phá giá hiện hành của Việt Nam có những điểm cần chú ý sau:

- Các quy định của pháp luật về chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam năm 2004 còn khá chung chung và thiếu những quy định cụ thể giúp các doanh nghiệp có thể áp dụng được ngay mà không cần giải thích gì thêm. Điều này được thể hiện trong các quy định về thủ tục khởi kiện và theo kiện chống bán phá giá. Ngoài những quy định về thủ tục khá chung chung trong Pháp lệnh chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam năm 2004 và Nghị định số 90/2005/NĐ-CP, các quy định khác chỉ điều chỉnh về việc thu nộp, hoàn trả thuế chống bán phá giá (Thông tư số 106/2005/TT-BTC) và hướng dẫn mẫu hồ sơ phục vụ việc khởi kiện chống bán phá giá (Quyết định số 32/QĐ-QLCT). Nếu so sánh có thể thấy, hệ thống pháp luật của Hoa Kỳ và EU đều chi tiết hơn và chứa đựng nhiều quy định cụ thể hơn pháp luật về chống bán phá giá của Việt Nam.

- Ngoài ra các quy định về thủ tục, một số quy định về nội dung của pháp luật Việt Nam cũng rất chung chung, thậm chí, còn ít cụ thể hơn so với luật lệ của WTO, ví dụ, thiếu các quy định về điều kiện cụ thể và cách thức tính toán giá trị thông thường theo từng phương pháp tính toán khác nhau, về cách thức cụ thể tiến hành xác định thiệt hại đối với ngành sản xuất trong nước, quy định về điều kiện áp dụng biện pháp cam kết về giá, v.v..

- Pháp luật về chống bán phá giá của Việt Nam cụ thể hóa luật lệ WTO theo hướng coi trọng sự công bằng và lợi ích công cộng trong quá trình giải quyết tranh chấp chống bán phá giá, tức là có xu hướng gần gũi với pháp luật về chống bán phá giá cả EU hơn là Hoa Kỳ. Điều này được thể hiện qua nội dung trong pháp luật về chống bán phá giá của Việt Nam như: hệ thống cơ quan chống bán phá giá của EU bao gồm một số cơ quan điều tra và một cơ quan xử lý (Chương II, Nghị định số 90/2005/NĐ-CP); quy định lợi ích công cộng như một điều kiện để áp dụng biện pháp chống bán phá giá (khoản 4, Điều 5, Pháp lệnh chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam năm 2004); quy định rà soát tiên hành làm hai đợt bao gồm rà soát giữa kỳ và rà soát trước khi hết hạn áp dụng biện pháp chống bán phá giá, v.v..

2. Nguyên nhân dẫn đến những bất cập của pháp luật và thực tiễn chống bán phá giá trong nước

Có thể rút ra một số nguyên nhân chính dẫn đến các bất cập của pháp luật và thực tiễn chống bán phá giá trong nước như sau:

Thứ nhất, hệ thống pháp luật về chống bán phá giá của Việt Nam vẫn còn là hệ thống pháp luật non trẻ. Vào thời điểm ban hành pháp lệnh chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam năm 2004 cũng là lúc Việt Nam đang khẩn trương đàm phán gia nhập WTO. Quan tâm hàng đầu khi đó là nhanh chóng ban hành được một văn bản pháp luật về chống bán phá giá để phục vụ việc gia nhập WTO một cách hiệu quả. Bởi vì, khi gia nhập WTO thì các hàng rào thuế quan sẽ dần được dỡ bỏ và chống bán phá giá và chống trợ cấp sẽ trở thành những công cụ tự vệ thương mại hợp pháp và hữu hiệu nhất. Trên thực tế, nhu cầu tự thân theo nghĩa của chúng ta theo nghĩa là thực tiễn bán phá giá từ các sản phẩm nhập khẩu vào nước ta nhiều tới mức đòi hỏi hình thành hệ thống pháp luật về chống bán phá giá là chưa có. Điều này được phản ánh rất rõ trong tờ trình của Bộ Thương Mại năm 2001 về việc đưa pháp lệnh chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam năm 2004 và pháp lệnh chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam năm vào chương trình lập pháp. Chính vì điều này nên pháp luật về chống bán phá giá của Việt Nam nói chung đơn giản, bao gồm những quy định tối thiểu phù hợp với pháp luật WTO và thậm chí, nhiều quy định chúng ta cũng không đưa vào Pháp lệnh và Nghị định về chống bán phá giá.

Thứ hai, pháp luật về chống bán phá giá của Việt Nam tuy đã được các doanh nghiệp biết tới song vẫn còn khá xa lạ với giới doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ngay cả những doanh nghiệp nếu có biết tới pháp luật về chống bán phá giá của Việt Nam thì cũng ít khi liên hệ được pháp luật đó với thực tiễn kinh doanh của mình. Điều này một phần là do động lực chính của sự ra đời pháp lệnh về chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam năm 2004 là để dự phòng nhu cầu bảo hộ sản xuất trong nước phục vụ hội nhập quốc tế chứ không phải do nhu cầu nội tại của bản thân các ngành sản xuất nội địa. Nên sau khi có pháp lệnh chống bán phá giá vẫn chưa thực sự thấy sự tác dụng bảo vệ của nó đối với lợi ích của doanh nghiệp. Doanh nghiệp chưa có ý thức được rằng chống bán phá giá có thể là một biện pháp hợp pháp theo pháp luật trong nước và quốc tế để giúp mình loại trừ những hành vi cạnh tranh không lành mạnh từ đối thủ bên ngoài. Vì vậy, doanh nghiệp trong nước nói chung khi gặp khó khăn hoặc thậm chí thiệt hại trong kinh doanh ít khi nghĩ tới nguyên nhân đến từ bán phá giá và vì thế, ít khi nghĩ tới việc chủ động sử dụng tới pháp luật về chống bán phá giá để bảo vệ quyền lợi của mình.

Thứ ba, các thiết chế chống bán phá giá của Việt Nam đã được thành lập song hoạt động vẫn khá thụ động chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn. Các thiết chế chống bán phá giá của Việt Nam trên thực tiễn có ba cấp: cấp điều tra (Cục Quản lý cạnh tranh), cấp xử lý (hội đồng xử lý vụ việc chống bán phá giá) và cấp ra quyết định chống bán phá giá (Bộ trưởng Bộ Công Thương). Cơ cấu có vẻ khá công kênh và là một đặc thù của Việt Nam. Các mô hình thiết chế chống bán phá giá trên thế giới hầu hết hoặc giống với Hoa Kỳ, tức là chỉ có một cấp điều tra và ra quyết định, hoặc giống với EU, tức là có một cấp điều tra, và kiến nghị một cấp ra quyết định. Cơ cấu ba cấp của Việt Nam cho hệ thống thiết chế chịu trách nhiệm chống bán phá giá bị dàn trải và khó có thể xác định được cơ quan nào thực sự chịu trách nhiệm chính trong việc phát hiện và xử lý các vụ việc chống bán phá giá. Điều này thể hiện một phần ở thực tiễn hoạt động. Mặc dù có ba cấp nhưng tần suất hoạt động về chống bán phá giá của các cơ quan rất ít. Bộ Công Thương chưa ra một quyết định nào trong lĩnh vực chống bán phá giá. Hội đồng xử lý vụ việc chống bán phá giá cũng chưa có vụ việc nào để xử lý. Cơ quan điều tra chống bán phá giá cũng chưa điều tra một vụ bán phá giá nào. Pháp luật hiện hành quy định cơ quan điều tra chống bán phá giá có thể tự mình đề nghị để Bộ trưởng Bộ Công Thương ra quyết định điều tra

chống bán phá giá. Tuy nhiên trên thực tế, cơ quan điều tra chống bán phá giá - Cục Quản lý cạnh tranh - chưa bao giờ thực hiện quyền đề nghị điều tra chống bán phá giá. Tuy công kênh nhưng cơ cấu nội tại tại cửa các cơ quan này không phải lúc nào cũng chặt chẽ thể hiện rõ nét nhất trong tổ chức của Hội đồng xử lý vụ việc chống bán phá giá. Thực tế đã được thành lập 6 năm nhưng bộ máy nhân sự lỏng lẻo, hầu hết là các cán bộ kiêm nhiệm và đến nay có nhiều người trong số đó nghỉ hưu hoặc chuyển công tác khác... Tất cả những điều đó vừa là hệ quả vừa là nguyên nhân của sự thiếu coi trọng việc thực thi pháp luật nói chung và pháp luật về chống bán phá giá nói riêng.

Thứ tư, các thủ tục để có thể khởi kiện và theo kiện chống bán phá giá là hết sức phức tạp nhất là trong điều kiện Việt Nam đã là thành viên của WTO, chúng ta cần phải tuân thủ đầy đủ các quy định của WTO về vấn đề này, điều đó đòi hỏi phải đầu tư nhiều thời gian và công sức. Để kiện doanh nghiệp nước ngoài bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam, doanh nghiệp Việt Nam không thể chỉ nộp đơn kiện và để mặc cơ quan nhà nước thụ lý vụ kiện. Doanh nghiệp khởi kiện còn phải tập hợp đầy đủ các chứng cứ, xây dựng lập luận vững vàng và theo suốt vụ kiện. Để có đủ chứng cứ, doanh nghiệp cần phải thu thập các thông tin cần thiết về thị trường về sản phẩm nhập khẩu, v.v.. Tóm lại, đây là quá trình khá tốn kém cho dù lệ phí theo kiện chính thức do nhà nước ấn định ở Việt Nam không cao. Chi phí cộng với sự hoài nghi về lợi ích của việc theo kiện có thể đem lại cho mình làm cho các doanh nghiệp Việt Nam có phần nào đó không hứng thú với việc khởi kiện chống bán phá giá. Điều này được chứng minh bởi thực tế là đã từng có có các doanh nghiệp tiếp cận Cục Quản lý cạnh tranh để tìm hiểu khả năng kiện doanh nghiệp xuất khẩu nước ngoài nghi ngờ có bán phá giá, nhưng sau khi biết được các công việc cần phải làm cũng như nghe giải thích về trình tự, thủ tục tiến hành vụ kiện, các doanh nghiệp đó đã rút lui và không có hồi âm lại.

Thứ năm, kiến thức và sự hiểu biết của các doanh nghiệp nói chung về chống bán phá giá với tư cách là một biện pháp hợp pháp còn thấp. Chúng ta cũng hay có xu hướng nhìn nhận chống bán phá giá như một thực tiễn xấu của thương mại quốc tế, lên án thức tiễn này nên cũng ít có xu hướng nhìn nhận nó như một công cụ phục vụ thực tiễn kinh doanh của mình. Cũng vì kiến thức và nhận thức về chống bán phá giá kém, kinh nghiệm ít nên có tư tưởng bài bác, ngại tham gia các tranh chấp.

Thứ sáu, nền kinh tế của Việt Nam còn ở trình độ thấp và công tác quản lý xuất khẩu, nhập khẩu còn nhiều bất cập. Các mặt hàng của ngành sản xuất nội địa của chúng ta còn ít, mức độ cạnh tranh trực tiếp của các sản phẩm nước ngoài nhập khẩu với sản phẩm nội địa là không cao về chủng loại mặt hàng. Các mặt hàng có thể có thực tiễn chống bán phá giá ở Việt Nam chỉ là những mặt hàng như đường, thuốc lá, rượu, các sản phẩm nông sản, v.v.. những mặt hàng này được nhập khẩu chủ yếu bằng con đường tiểu ngạch, có nhiều trường hợp lại là nhập lậu. Chính điều này làm cho việc nhân diện doanh nghiệp xuất khẩu, doanh nghiệp nhập khẩu đối với loại sản phẩm đó là rất khó khăn, thậm chí là không thể, để có thể tiến hành kiện chống bán phá giá.

Thứ bảy, vai trò của các hiệp hội sản xuất nội địa trong việc đại diện cho lợi ích của các doanh nghiệp sản xuất nội địa còn quá thấp. Chính điều này làm cho nguồn Lực của các doanh nghiệp bỏ ra để kiện chống bán phá giá một sản phẩm nước ngoài bị phân tán mà không thể tập trung được, dẫn tới hiệu quả công tác chống bán phá giá từ phía doanh nghiệp không cao.

3. Phương hướng hoàn thiện pháp luật và thực thi pháp luật về chống bán phá giá của Việt Nam

Qua phân tích về thực trạng của pháp luật về chống bán phá giá của Việt Nam và thực tiễn hoạt động chống bán phá giá ở Việt Nam trên đây, có thể thấy rằng nhìn chung cho đến nay, hệ thống pháp luật về chống bán phá giá của Việt Nam bao trùm khá đầy đủ các khía cạnh của lĩnh vực chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu. Các chế định pháp luật về chống bán phá giá của Việt Nam về cơ bản cũng khá tương đồng với nội dung của pháp luật chống bán phá giá mẫu của WTO. Hệ thống pháp luật chống bán phá giá của Việt Nam cũng mới được ban hành và hầu như chưa được áp dụng trong thực tiễn.

Nói cách khác thực tiễn chống bán phá giá của Việt Nam còn quá ít để có thể kiểm chứng cho sức sống và hiệu quả của hệ thống pháp luật về chống bán phá giá của Việt Nam. Vì vậy, để có thể tổng kết, đánh giá và đề ra phương hướng hoàn thiện pháp luật về chống bán phá giá của Việt Nam, trước tiên cần tăng cường thực tiễn thực thi pháp luật chống bán phá giá của Việt Nam. Qua nghiên cứu về pháp luật và thực tiễn về chống bán phá giá của WTO, Hoa Kỳ và EU trên đây chỉ có thể rút ra một số phương pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về chống bán phá giá của Việt Nam như sau:

Thứ nhất, cần làm rõ và tổng kết thực tiễn thực hiện pháp luật về chống bán phá giá để xác định được rõ những ưu điểm, nhược điểm của pháp luật về chống bán phá giá của Việt Nam, trên cơ sở đó đề ra biện pháp cụ thể để hoàn thiện. Trong quá trình tổng kết cần lưu ý hai tiêu chí là sự phù hợp với thực tiễn Việt Nam và luật lệ của WTO.

Thứ hai, cần chuẩn bị các thiết chế đủ mạnh về cả nhân lực, tài lực và vật lực, để thụ lý và giải quyết một cách thuyết phục các vụ kiện chống bán phá giá ở Việt Nam. Cơ quan chống bán phá giá bao gồm Cơ quan điều tra chống bán phá giá và Hội đồng xử lý vụ việc chống bán phá giá phải có năng lực, được đào tạo bài bản, nắm vững pháp luật về chống bán phá giá của Việt Nam cũng như luật lệ chống bán phá giá của WTO. Cơ quan này cũng phải có được đội ngũ cán bộ, chuyên gia có năng lực cũng như nguồn lực đầy đủ để tiến hành điều tra, chống bán phá giá một cách hiệu quả và thỏa đáng. Cơ quan này cần phải vừa bảo hộ được các ngành sản xuất trong nước một cách hợp lý vừa tuân thủ luật lệ của WTO. Hệ thống Tòa án cũng cần phải được kiện toàn, nhất là về năng lực, để có thể giải quyết các đơn kiện đối với quyết định chống bán phá giá một cách khách quan, chính xác.

Thứ ba, cần tiến hành tuyên truyền phổ biến pháp luật về chống bán phá giá rộng rãi một cách hợp lý với những hình thức đa dạng để cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam nhận thức rõ bản chất của pháp luật về chống bán phá giá Việt Nam và sử dụng nó như công cụ bảo vệ lợi ích của mình trong bối cảnh kinh tế hội nhập. Doanh nghiệp Việt Nam vẫn thường quá chú trọng tới thị trường bên ngoài mà bỏ quên thị trường trong nước và điều này là một bất cập lớn. Nghiên cứu về các vụ việc chống bán phá giá ở Hoa Kỳ và EU trên đây cho thấy, thực tế các doanh nghiệp nước ngoài rất chú trọng tới việc sử dụng pháp luật về chống bán phá giá như một công cụ hữu hiệu để bảo vệ lợi ích của mình ở thị trường nội địa của họ. Các ngành sản xuất nội địa của Hoa Kỳ rất chịu khó tìm hiểu và áp dụng luật về chống bán phá giá mọi lúc có thể. Nhìn rộng ra thế giới thì thấy, không chỉ có các nước phát triển, đang mới nổi lên về mặt kinh tế cũng ngày càng áp dụng nhiều hơn biện pháp này, ví dụ: Trung Quốc, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ, v.v.. Thật ra, đây là xu hướng khá hợp lý vì các nước đang phát triển thường có các ngành sản xuất phong phú, thường có lợi thế chính về giá chứ chưa phải chất lượng, nhất là khi tình trạng kinh tế thế giới rơi vào tình trạng khủng hoảng, thì các mặt hàng đến từ các quốc gia khác đang phát triển càng được quan tâm

nhều hơn. Các ngành sản xuất nội địa của các nước phát triển vì vậy rất dễ bị cạnh tranh từ các hàng hóa giá rẻ đến từ rất nhiều các nước đang phát triển khác. Chống bán phá giá, vì vậy nhìn từ các nước xuất khẩu, là công cụ bảo hộ ngành sản xuất trong nước đáng bị phê phán, nhưng nhìn từ góc độ nước nhập khẩu lại là công cụ hữu hiệu và hợp pháp để bảo vệ quyền lợi của ngành sản xuất nội địa. ở nước nào cũng vậy, tiền thu được từ thuế chống bán phá giá sẽ được điều tiết trở lại cho doanh nghiệp nội địa để bù đắp thiệt hại mà sản phẩm bán phá giá đã gây cho doanh nghiệp nội địa. Nhà nước cần phải tuyên truyền cho các doanh nghiệp nội địa biết điều đó để họ ý thức hơn về những cơ hội có thể giúp họ vượt qua khó khăn. Lấy đó là một trong những động lực để họ quan tâm hơn nữa tới vấn đề chống bán phá giá trong nước.

Thứ tư, cần khuyến khích các doanh nghiệp tập hợp với nhau thành các cộng đồng, hiệp hội để đại diện và bảo vệ lợi ích của ngành sản xuất của mình trên thị trường trong nước. Để kiện chống bán phá giá một sản phẩm nhập khẩu đòi hỏi phải có hành động của tập thể. Một hay một số doanh nghiệp đơn lẻ không khi nào có thể kiện chống bán phá giá thành công. Hơn nữa, quan tâm trước tiên và thường xuyên của các doanh nghiệp luôn là làm thế nào để tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm, chiếm lĩnh thị trường chứ không phải thường xuyên rà soát xem có doanh nghiệp nào bán phá giá ở thị trường Việt Nam và gây hại cho ngành sản xuất của mình không. Công việc rà soát đó sẽ và chỉ có thể được thực hiện một cách hiệu quả bởi các hiệp hội của các doanh nghiệp. Điều này thể hiện rất rõ trong thực tiễn kiện bán phá giá tại Hoa Kỳ và EU.

TTBD ĐBDC